

KẾ HOẠCH

Phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Thái Nguyên và dự toán NSNN lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2020

Thực hiện Công văn số 2330/BGDĐT-KHTC ngày 29/5/2019 của Bộ GDĐT về việc thực hiện xây dựng Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2020;

Thực hiện Công văn số 2132/UBND-KGVX ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2020;

Căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục và triển khai nhiệm vụ năm học 2019-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2020 lĩnh vực giáo dục và đào tạo với các nội dung như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 và ước thực hiện kế hoạch 2019

1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên

Năm 2018, là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, với sự chỉ đạo giúp đỡ của Trung ương, sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân, đồng hành của các doanh nghiệp, kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2018 tiếp tục có những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực. Kinh tế - xã hội phát triển ổn định; các chỉ tiêu năm 2018 cơ bản hoàn thành; Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trên địa bàn năm 2018 đạt 10,44%. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 670,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,4% so với năm 2017, tạo động lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 15.002,655 tỷ đồng, vượt thu 1.891 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,4% so với dự toán; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện rõ rệt; các hoạt động xúc tiến đầu tư năm 2018 đã và đang được triển khai khá đồng bộ, kết quả ban đầu có tính khả thi; quốc phòng và an ninh được giữ vững, các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư phát triển; các chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội được triển khai kịp thời và đem lại hiệu quả thiết thực. trong điều kiện kinh tế - xã hội trong nước đã có nhiều cải thiện, kinh tế diễn biến theo chiều hướng tích cực, kinh tế vĩ mô được duy trì, lạm phát được kiểm soát, tín dụng tăng cao, lãi suất ngân hàng được giữ ổn định;

tăng trưởng các ngành kinh tế tiếp tục phục hồi; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 về việc ban hành Chương trình Phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020. Với sự nỗ lực phấn đấu, phát huy tối đa các tiềm năng và cơ hội, đồng thời khắc phục những khó khăn thách thức, kinh tế - xã hội. Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên trong năm qua đã có những bước phát triển mới, duy trì củng cố vững chắc, có nhiều bước phát triển quan trọng và toàn diện. Các chỉ tiêu đặt ra trong năm đều đạt và vượt. Từ đó tạo nên bước tiến vững chắc trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế:

- Chất lượng đào tạo trong những năm qua đã được nâng lên và có chuyển biến tích cực xong chưa đồng đều giữa các vùng miền đặc biệt là các xã miền núi vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Mặc dù kinh tế - xã hội của tỉnh có những bước phát triển nhanh, thu ngân sách tăng, đầu tư cho giáo dục luôn được tính ưu tiên hàng đầu, song do nhu cầu kinh phí đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho ngành giáo dục rất lớn nên chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn xảy ra tình trạng quá tải về học sinh của cấp mầm non và tiểu học tại một số cơ sở giáo dục, đặc biệt là cấp mầm non ở các đô thị và khu công nghiệp nơi tập trung nhiều công nhân lao động.

- Biên chế cán bộ quản lý, giáo viên hiện còn thiếu ở các cấp học. Mặc dù tỉnh Thái Nguyên đã có giải pháp để hỗ trợ các trường thuê khoán giáo viên giảng dạy và nhân viên làm công tác nấu ăn tại các trường mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên nhưng về lâu dài sẽ ảnh hưởng tới chất lượng dạy và học ở các nhà trường.

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo

2.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu phát triển về quy mô số lượng ở các cấp học đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Cụ thể:

- Mầm non:

- + Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (dưới 36 tháng tuổi) đi học đạt 27,49%.
- + Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo (3-5 tuổi) đi học đạt 94.78%.
- + Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học đạt 100%.

- Tiểu học:

- + Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,99%.
- + Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đi học đạt 99,33%.

- Trung học cơ sở:

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99,7%.

+ Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi (11-14 tuổi) đi học đạt 99,5%.

- Trung học phổ thông:

+ Tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 đạt: 88,06%. Tỷ lệ học sinh THCS vào học THPT và tương đương chiếm >90%.

+ Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi (15-17 tuổi) đi học đạt 89,82%.

Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập đạt 85%.

Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số được học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú đạt 6,07%.

Tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi ở 180/180 xã, phường, thị trấn; Đạt Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 ở 180/180 xã, phường, thị trấn; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ mức độ 2 trở lên ở 179/180 xã, phường, thị trấn.

Quy mô mạng lưới trường lớp tăng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh. Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được trên 2.278 phòng học mới, tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 67,29%.

Hệ thống 23 trường ngoài công lập ở tất cả các cấp học đã và đang phát triển, ổn định, từng bước khẳng định được chất lượng, tạo được sự quan tâm, tin tưởng đối với phụ huynh học sinh. Đặc biệt các trường ngoài công lập được các nhà đầu tư quan tâm xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu và hướng tới trường chất lượng cao.

Ngành đã tích cực chuẩn bị kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV và tăng cường cơ sở vật chất để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đổi mới chương trình sách giáo khoa GDPT giai đoạn 2019-2025. Tham mưu 4.780 định mức khoán với số tiền 216 tỷ đồng để thực hiện thuê khoán đủ giáo viên giảng dạy và nhân viên làm công tác nấu ăn theo định mức ở các trường mầm non và phổ thông, trung tâm GDNN-GDTX. Đồng thời đã xây dựng kế hoạch và có nhiều giải pháp để khắc phục tình trạng quá tải trên địa bàn tỉnh.

Các cơ sở giáo dục trong toàn ngành đã xây dựng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường, do vậy năm học 2018-2019 không xảy ra bạo lực học đường phải xử lý.

Các cuộc vận động và phong trào thi đua đổi mới sáng tạo trong dạy và học của ngành giáo dục và đào tạo được chỉ đạo triển khai nghiêm túc, đồng bộ, do vậy đã tạo được diện mạo mới trong hoạt động dạy và học, góp phần tạo môi trường học tập tích cực, duy trì nề nếp, kỷ cương trong dạy và học để giáo dục học sinh phát triển toàn diện.

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được các địa phương quan tâm chỉ đạo, đầu tư hiệu quả, đạt kết quả cao, toàn tỉnh có 562/680 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 82,65%.

Công tác tuyển sinh: Ngay từ đầu tháng 4 Sở giáo dục và đào tạo đã ra văn bản chỉ đạo các đơn vị về công tác tuyển sinh đầu cấp lớp 1, lớp 6, lớp 10 trong tháng 6. Tuyển sinh lớp 1: đạt 99,99% so với dân số 6 tuổi; Tuyển sinh lớp 6: đạt 99,7% so với dân số 11 tuổi; Tuyển sinh vào lớp 10 đạt trên 85% so với học sinh tốt nghiệp lớp 9 (ở cả 2 hệ THPT, GDTX). Tổ chức nghiêm túc và an toàn kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, đặc biệt là công tác chuẩn bị cho kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 đã được chỉ đạo một cách bài bản, chặt chẽ, khoa học và đúng quy chế.

Công tác phát triển giáo dục miền núi - Dân tộc: Các dự án mở rộng, nâng cấp 6/6 trường phổ thông dân tộc nội trú với tổng kinh phí đầu tư trên 275,4 tỷ đồng đang được triển khai đúng tiến độ sẽ góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu đến năm 2020 có 8% học sinh người dân tộc thiểu số được học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX đã đề ra. Hiện nay toàn tỉnh có 10 trường phổ thông dân tộc bán trú (trong đó có 08 trường cấp THCS và 02 trường cấp tiểu học ở huyện Võ Nhai và Đồng Hỷ).

Dự án xây dựng trường THPT Chuyên với tổng kinh phí 241 tỷ đồng bàn giao và đưa vào hoạt động từ tháng 7/2019.

2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2018-2019 theo Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2.1. Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm

a. Rà soát, quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn

- Kết quả đạt được: Mạng lưới trường lớp các cấp học được củng cố, phát triển đều khắp trên địa bàn tỉnh, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập trong tỉnh. Kết thúc năm học 2018-2019 toàn tỉnh có 691 cơ sở giáo dục (trong đó có 680 trường mầm non và phổ thông)¹. Hệ thống các trường Phổ thông Dân tộc Nội trú và Phổ thông Dân tộc Bán trú bao gồm: 06 trường PT DTNT (Cấp THPT: 01 trường; Cấp THCS: 05 trường), 10 trường PT DTBT (Cấp THCS: 08 trường; Cấp Tiểu học: 02 trường). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn 01 trường giáo dục và hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi; 01 Trung tâm GDTX tỉnh, 9 trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên ở 9 huyện, thị, thành, 180 trung tâm học tập cộng đồng.

Thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 6, BCH Trung ương Đảng khóa XII Sở GDĐT phối hợp với các địa phương rà soát, nghiên cứu để từng bước sắp xếp tổ chức lại ở nơi có đủ điều kiện để hình thành trường phổ thông có nhiều cấp học,

¹ Cấp Mầm non 233 trường (công lập 215 trường; tư thục 17 trường; dân lập 01 trường; 03 trường mầm non thuộc quân đội); Cấp Tiểu học 224 trường (02 trường ngoài công lập); Cấp THCS 191 trường (01 trường ngoài công lập). Cấp THPT: 32 trường (02 trường ngoài công lập)

phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, riêng năm 2018 đã sáp nhập 12 trường thành 06 trường ở các địa phương², rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp, học sinh một cách hợp lý, thu gọn lại các điểm trường lẻ³.

- Hạn chế: Mạng lưới trường lớp các cấp học tuy đã được quan tâm đầu tư xây dựng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân nhất là nhu cầu gửi trẻ của cấp học mầm non ở khu vực thành phố, thị xã, khu đông dân cư, khu công nghiệp. Tỷ lệ học sinh mầm non và phổ thông/lớp ở một số trường còn cao vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các địa phương thiếu quy hoạch tổng thể về phát triển trường học gắn với tình hình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương; có sự dịch chuyển dân số cơ học từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp.

b) Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

- Kết quả đạt được: Tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo, thực hiện đúng quy chế làm việc và văn hóa công sở. Ngành đã tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng và yêu cầu đổi mới giáo dục để làm căn cứ xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức rà soát, điều chỉnh và thực hiện tốt quy hoạch phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng đội ngũ. Thực hiện tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đúng quy định, đúng vị trí việc làm và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ và giáo viên không đủ tiêu chuẩn.

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII và Công văn số 3043/BGDĐT-NCBQLGD ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện tinh giản biên chế trong ngành Giáo dục. Thực hiện các giải pháp bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu giáo viên các cấp học theo quy định.⁴

Xây dựng và ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025. Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên đạt các tiêu chuẩn theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp. Chú trọng bồi dưỡng phẩm

² Các đơn vị sáp nhập: Phố Yên (06 trường thành 03 trường); Phú Lương (02 trường thành 1 trường); Võ Nhài (02 trường thành 1 trường); Đồng Hỷ (02 trường thành 1).

³ Năm 2018 toàn tỉnh có 345 điểm trường lẻ giảm 5 điểm lẻ so với năm 2016.

⁴ Tham mưu với UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt 4.780 định mức khoán để thuê khoán giáo viên và 1.644 định mức khoán để thuê khoán nhân viên làm công tác nấu ăn với kinh phí trên 216 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu dạy và học của các trường mầm non, phổ thông, trung tâm GDNN, GDTX trên địa bàn tỉnh.

chất và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ⁵, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp. Quan tâm phát triển, nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán các bộ môn, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi. Nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Hội, Đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên. Triển khai thực hiện việc bổ nhiệm vào hạng và xếp lương theo hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, minh bạch các chế độ chính sách của Nhà nước đổi với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đặc biệt là đội ngũ đang công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện nghiêm túc đánh giá đội ngũ theo chuẩn và đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Hạn chế: Do quy mô dân số độ tuổi trẻ mầm non, tiểu học tăng nhanh dẫn đến tăng về số lớp, số học sinh, số biên chế hiện có trong ngành chưa đáp ứng đủ theo định mức, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý của cơ sở giáo dục và việc nâng cao chất lượng giáo dục (các đơn vị thiếu giáo viên phải thực hiện việc dạy thêm giờ, thuê khoán, hợp đồng thỉnh giảng...).

c) *Đổi mới giáo dục giáo dục mầm non, phổ thông; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông*

Triển khai thực hiện có chất lượng chương trình giáo dục mầm non sau chỉnh sửa. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non phát triển chương trình giáo dục phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tham mưu cho UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện Chương trình GDPT mới; xây dựng dự thảo: dự thảo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện Chương trình GDPT mới; xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư 32/2018/TT-BGDDT; xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình phổ thông mới của tỉnh Thái Nguyên.

Chủ động xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, chọn cử cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ tham dự các hội thảo, tập huấn do Bộ GDĐT tổ chức về triển khai chương trình GDPT mới. Phối hợp với trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên mở các hội thảo, tập huấn bàn về việc xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên thực hiện CT GDPT mới. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong xây dựng tài liệu phần giáo dục địa phương.

⁵ Trong năm học đã cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 07 người, trung cấp lý luận chính trị: 199 người, đào tạo trình độ thạc sỹ: 84 người, đại học và cao đẳng: 375 người, bồi dưỡng quản lý nhà nước: 164 người, bồi dưỡng chứng chỉ hạng chức danh nghề nghiệp: 3026, 603 giáo viên đi bồi dưỡng Ngoại ngữ, 780 giáo viên đi bồi dưỡng Tin học.

Xây dựng và trình UBND tỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”. Các trường THCS, THPT chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện hoặc phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX, các trường trung cấp, cao đẳng, các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện hoạt động hướng nghiệp cho học sinh. 100% học sinh các khối lớp 9, 10, 11, 12 được tham gia hoạt động hướng nghiệp. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp được quan tâm và tăng cường, các nhà trường đã liên kết nhiều hơn với cơ sở sản xuất, kinh doanh để định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Các trung tâm, trường trung học, trường cao đẳng đa dạng hóa các nghề phổ thông tạo cơ hội cho học sinh học tập theo nguyện vọng. Nhờ đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp nên trong những năm vừa qua, số lượng học sinh tham gia lao động sản xuất sau khi hoàn thành chương trình THPT ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành chưa thể hiện rõ tính chất phân luồng, việc thiết kế chương trình của các nhà trường gặp khó khăn do chưa có giáo viên đúng chuyên môn, nghiệp vụ. Nội dung và hình thức giáo dục hướng nghiệp tuy có những chuyển biến song công tác này vẫn chưa được quan tâm đúng mức ở các nhà trường. Phương thức dạy nghề ở nhiều đơn vị còn nặng về lý thuyết, ít gắn với thực hành, trải nghiệm. Công tác phối hợp giữa các trường trung học với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong việc phân luồng, hướng nghiệp chưa sâu sát. Hệ thống thông tin về thị trường lao động, về dự báo nhu cầu lao động của thị trường còn thiếu và chưa cập nhật nên chưa đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp, công tác phân luồng của các nhà trường và của học sinh.

d) Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo

- Kết quả đạt được: Năm học 2018 - 2019, thực hiện tốt việc chuẩn hóa năng lực đội ngũ giáo viên tiếng Anh ở các cấp học Tiểu học, THCS, THPT trên từng địa bàn (huyện/thành phố/thị xã) để mở rộng diện học sinh được học tiếng Anh theo chương trình mới từ Tiểu học lên THCS và THPT.⁶ Thu nhận hết số học sinh đã hoàn thành chương trình mới lớp 5 vào học tiếp chương trình mới ở lớp 6.

Thực hiện bồi dưỡng nâng chuẩn năng lực, bồi dưỡng kỹ năng nghe - nói, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh.⁷ Bên cạnh đó các phòng GDĐT

⁶ Số trường thực hiện dạy tiếng Anh theo chương trình 10 năm: cấp Tiểu học có 225 trường với 39.182 học sinh; cấp THCS có 102 trường với 29.594 học sinh; cấp THPT có 9 trường với 2.873 học sinh.

⁷ Bồi dưỡng cho 225 giáo viên các cấp Tiểu học, THCS, THPT chưa đạt chuẩn; Bồi dưỡng kỹ năng Nghe - Nói cho 160 giáo viên tiếng Anh các cấp Tiểu học, THCS, THPT đã đạt chuẩn; Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho 220 giáo viên tiếng Anh các cấp Tiểu học, THCS, THPT đã đạt chuẩn. Phối hợp với trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội bồi dưỡng nâng chuẩn năng lực cho 32 giáo viên cấp THPT chưa đạt chuẩn và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho 30 giáo viên tiếng Anh cấp THCS đã đạt chuẩn.

và các trường THPT đã chủ động trong việc tạo điều kiện cho giáo viên tiếng Anh trong việc tự bồi dưỡng để đạt chuẩn năng lực tiếng Anh. Hiện nay, số giáo viên đạt chuẩn về năng lực đạt 766/959, tỷ lệ 79,87%.⁸

Tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn cho giáo viên tiếng Anh các cấp, cán bộ quản lý theo các chuyên đề chuyên môn. Tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy lớp 9 về công tác ôn tập cho học sinh thi vào lớp 10 THPT. Nhiều đơn vị tổ chức tốt Ngày hội sử dụng ngoại ngữ cho học sinh, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ tiếng Anh trong các nhà trường góp phần nâng cao năng lực nghe nói cho học sinh và giáo viên. Một số trường phổ thông trong tỉnh đã có nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi về giáo dục với một số trường học ở nước ngoài.

- Hạn chế: Do số giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học còn thiếu nên tỷ lệ học sinh từ lớp 3 trở lên được học chương trình tiếng Anh 10 năm còn thấp.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục

Tại cơ quan sở GD&ĐT đã sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản do UBND tỉnh cấp, hệ thống phần mềm liên thông văn bản đã phát huy tác dụng trong nội bộ và với các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị. Tích cực ứng dụng CNTT trong công tác CCHC, các thủ tục hành chính được thực hiện ở cấp độ 3 và cấp độ 4. Thực hiện Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 24/4/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 theo đúng tiến độ, bước đầu đã thu được kết quả tốt. Hệ thống quản lý văn bản giữa Sở với các Phòng GD&ĐT, giữa Sở GD&ĐT với các cơ sở giáo dục; sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, tập huấn qua mạng phục vụ toàn ngành. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi của ngành, ứng dụng CNTT thiết thực nhằm cải cách hoạt động hành chính tại các đơn vị. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về CNTT và triển khai chương trình công nghệ giáo dục được Sở GD&ĐT tổ chức tập huấn hiệu quả. Ngành đã tổ chức và chỉ đạo nhiều cuộc thi cho giáo viên trong đó tiêu chí ứng dụng CNTT luôn được đánh giá cao. Các cuộc thi về CNTT do Bộ GD&ĐT phát động đều được Sở GD&ĐT Thái Nguyên tham gia với hiệu quả cao.

e) Đẩy mạnh giao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo

Trên cơ sở của Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị được tự chủ: Trong điều hành phân công quản lý của nhà trường. Tự chủ về tài chính. Tự chủ trong phân công chương trình giảng dạy của nhà trường.

⁸ Cấp Tiểu học: 294/322 (91,3%); Cấp THCS: 353/415 (85,06%); Cấp THPT: 119/222 (53,6%).

Tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục nhà trường. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông xây dựng kế hoạch dạy học/giáo dục theo khung kế hoạch thời gian năm học. Tăng quyền chủ động của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục gắn với việc nâng cao năng lực quản lý nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý. Giám sát việc thực hiện Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

g) Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Kết quả đạt được: Thực hiện nội dung về hội nhập quốc tế trong Chương trình phát triển giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020, năm học 2018 - 2019 một số phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác về lĩnh vực giáo dục và đào tạo với các tổ chức, trường Đại học các nước như Thụy Điển, Hàn Quốc, Trung Quốc...

Qua các hình thức hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo các trường thuộc tỉnh Thái Nguyên đã cử các đoàn đại biểu cán bộ, giáo viên, học sinh đi học tập và trao đổi kiến thức, tham gia các hội nghị, hội thảo tại Hàn Quốc (02 đoàn), Trung Quốc (01 đoàn), Mỹ (01 đoàn) cũng như đón tiếp các đoàn đại biểu của đối tác từ các nơi trên thế giới.

Năm học 2018-2019, qua chương trình hợp tác quốc tế nhiều cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được các đơn vị, tổ chức, dự án của các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ về chất lượng giáo dục.⁹

Công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của các Trung tâm tư vấn du học trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả. Sở GD&ĐT đã thực hiện việc cấp phép hoạt động cho 18 đơn vị.

- Hạn chế: Số lượng học sinh của tỉnh được tiếp cận các chương trình học du học có học bổng chưa nhiều.

h) Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

⁹ Tổ chức Plan Thái Nguyên tài trợ 01 giếng khoan cho trường Tiểu học Quy Kỳ tại điểm trường Khuôn Cảm với giá trị 15 triệu đồng; Tập đoàn Mizuno - Nhật Bản tài trợ 01 bộ dụng cụ luyện tập cho trường Tiểu học Chợ Chu huyện Định Hóa với giá trị 40 triệu đồng; Tổ chức Daejin - Hàn Quốc tài trợ 01 nhà 02 tầng 10 phòng học, 01 công trình vệ sinh, 01 nhà bảo vệ, hàng rào, sân bê tông, công trường, 03 bộ máy tính để bàn, 01 công trình nước lọc cho học sinh trường Tiểu học Bình Yên huyện Định Hóa với giá trị 7,8 tỷ đồng; Công ty Vatech Netwoks (Hàn Quốc) - Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc trao 11 suất học bổng trị giá 66 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường tiểu học Tân Thái huyện Đại Từ; Tổ chức Habitat hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà vệ sinh tại một số trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Đại Từ; Ngân hàng Shinhan tặng 85 chiếc xe đạp cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc các trường tiểu học, THCS trên địa bàn thị xã Phổ Yên; Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT) tài trợ 1,5 tỷ đồng thiết bị lọc nước cho các trường THPT; Tổ chức Room to Read tài trợ cho thư viện 28 trường tiểu học trên địa bàn thị xã Phổ Yên 5000 cuốn sách tổng trị giá 125,8 triệu đồng...

- Kết quả đạt được: Thực hiện đề án xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh có 562/680 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 82,65 % tăng 1,18% so với cùng kỳ năm học 2017-2018.¹⁰

Quy mô mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh. Tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 67,29%. Hệ thống trường ngoài công lập ở tất cả các cấp học đã phát triển, ổn định, từng bước khẳng định được chất lượng, tạo được sự quan tâm, tin tưởng đối với phụ huynh học sinh.

Tham mưu với UBND tỉnh xây dựng cơ chế thu hút đầu tư cho giáo dục, đến năm học 2018-2019 có 23 trường ngoài công lập tăng 4 trường ngoài công lập so với năm học 2017-2018.

Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng: Thực hiện đầu tư dự án mở rộng, nâng cấp hệ thống các trường PTDTNT thuộc tỉnh, năm 2019 đã khởi công xây dựng 4/6 trường theo Đề án mở rộng nâng cấp hệ thống các trường PTDTNT với tổng mức đầu tư trên 275,4 tỷ đồng sẽ góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu đến năm 2020 có 8% học sinh người dân tộc thiểu số được học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX đã đề ra.

Dự án xây dựng Trường trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên được triển khai xây dựng theo hướng hiện đại, chất lượng cao với tổng mức đầu tư trên 240 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần thực hiện lộ trình tăng quy mô từ 36 lớp lên 42 lớp.

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm thực hiện, riêng năm học 2018 - 2019 đã thu hút 8 dự án về giáo dục với tổng kinh phí đăng ký đầu tư trên 300 tỷ đồng (dự án trường ICOSCHOOL; dự án trường Iris, Trường mầm non Quốc tế Hoa Trang Nguyên, TP.Sông Công, Trường mầm non Galaxy Preschool...).

Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa giai đoạn 2017-2020 với tổng vốn 181 tỷ đồng; Đang triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch dự án THCS vùng khó khăn nhất giai đoạn 2 với tổng mức 11,4 tỷ đồng; Đã hoàn Dự án xây dựng 40 công trình nhà vệ sinh các trường Mầm non, tiểu học, THCS thuộc các xã xây dựng kế hoạch vệ sinh toàn xã nguồn vốn WB...

- Hạn chế: Nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh là rất lớn nhưng chưa bố trí cân đối được nguồn vốn như: Đầu tư xây dựng mới các trường THPT Đào Xá, Túc Tranh, Đội Cấn. Tăng cường cơ sở vật chất 10 trường PTDTBT.

¹⁰ Trong đó: Mầm non: 185/233 trường đạt tỷ lệ 79,4%; Tiểu học: 215/224 trường đạt tỷ lệ 95,98%; THCS: 144/191 trường đạt tỷ lệ: 75,39%; THPT: 18/32 trường đạt tỷ lệ: 56,25%.

Mặc dù kinh tế - xã hội của tỉnh có những bước phát triển nhanh, thu ngân sách tăng, đầu tư cho giáo dục luôn được tính ưu tiên hàng đầu, song do nhu cầu kinh phí đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho ngành giáo dục rất lớn nên chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn xảy ra tình trạng quá tải về học sinh của cấp mầm non và tiểu học tại một số cơ sở giáo dục, đặc biệt là cấp mầm non ở các đô thị và khu công nghiệp nơi tập trung nhiều công nhân lao động.

i) *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*

- Kết quả đạt được: Sở GD&ĐT đã tiến hành rà soát để cử đúng các đối tượng đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên chuẩn bị thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới.

Tiến hành điều tra, khảo sát về nhân lực và chất lượng nhân lực ở tất cả các đơn vị, bảo đảm cân đối cung - cầu nhân lực, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Trên cơ sở đó có sự đầu tư đúng mức, hợp lý cho từng loại hình cơ sở vật chất nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao một cách hợp lý và mang lại hiệu quả thiết thực đối với sự phát triển của Ngành.

- Hạn chế: Công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn nhiều bất cập, một số cơ chế, chính sách còn chưa phù hợp với thực tế.

2.2.2. Đối với 05 giải pháp phát triển ngành

a) *Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về giáo dục và đào tạo*

- Kết quả đạt được: Triển khai nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ và 05 giải pháp cơ bản của ngành. Triển khai nghiêm túc kế hoạch chương trình hành động của Tỉnh và Bộ GD&ĐT.

Tiến hành thanh tra đạt kế hoạch: Thanh tra hành chính 05 đơn vị; thanh tra chuyên ngành đối với 03 Phòng GD&ĐT và 33 cơ sở giáo dục thuộc Phòng GD&ĐT (mầm non 11, tiểu học 11, THCS 11). Ngoài ra, Sở GD&ĐT đã tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra: Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục tại 02 trường cao đẳng có hệ giáo dục thường xuyên; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi nghề phổ thông; các khoản thu đầu năm học (23 đơn vị); công tác kiểm tra và cấp chứng chỉ Tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc tại 02 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên... Hoạt động thanh tra thực sự đã có tác dụng tích cực, giúp các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động giáo dục trên địa bàn phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót, ngăn ngừa sai phạm có thể xảy ra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý những sai phạm theo thẩm quyền.

Thực hiện tốt việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở GD&ĐT được thực hiện nghiêm túc. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền kịp thời, đúng pháp luật và không có đơn thư tồn đọng.¹¹

Chỉ đạo các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật; thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2018; góp ý kiến vào dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi) và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Các đơn vị trong ngành đã xây dựng kế hoạch thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật theo hướng dẫn của ngành; triển khai phổ biến các quy định pháp luật về giáo dục; phổ biến kiến thức pháp luật, nội quy, quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đối tượng thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

- Hạn chế: Công tác quản lý ở một số đơn vị cơ sở còn chậm đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu. Ứng dụng CNTT trong CCHC chưa triệt để, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu.

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp

- Kết quả đạt được: Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định, đạt tiêu chuẩn. Thực hiện đúng công tác quy hoạch cán bộ quản lý các cấp giai đoạn 2020-2025.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý được đánh giá định kỳ hàng năm theo tiêu chuẩn của cán bộ công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Kết quả: 100% công chức, viên chức quản lý được đánh giá, xếp loại, trong đó có 95,35% được xếp loại khá trở lên. Ngoài ra cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp còn được đánh giá định kỳ hàng năm theo chuẩn của cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc trung tâm). Kết quả: 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đánh giá, xếp loại, trong đó có 92,56% được xếp loại khá trở lên.

Hằng năm, Sở GD&ĐT cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục (100% cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục), chính trị (100% được đào tạo lý luận chính trị từ trung cấp trở lên), tin học, ngoại ngữ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trong quy hoạch các chức danh ở các cấp để đạt tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Qua đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của ngành GD&ĐT đã đáp ứng được các lĩnh vực hội nhập và phát triển.

- Hạn chế: Một số cán bộ lãnh đạo quản lý chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ, chưa thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở.

¹¹ Tổng số đơn thư, thông tin phản ánh đã nhận: 63; số đơn thư, thông tin phản ánh đã xử lý: 63.

c) Tăng cường các nguồn đầu tư cho giáo dục và đào tạo

- Kết quả đạt được: Tích cực triển khai thực hiện xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực của xã hội nhằm phát triển giáo dục và đào tạo, khuyến khích các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Huy động các nguồn lực phát triển giáo dục và tăng cường cơ sở vật chất trường học, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện xây dựng các chương trình trong đó tính toán đến các nguồn vốn trung ương, vốn địa phương và các nguồn huy động khác. Ngoài ra các địa phương các huyện thị xã, thành phố còn huy động nguồn lực nhân dân đóng góp, các tổ chức xã hội để xây dựng khuôn viên trường học, nhà vệ sinh chung cho học sinh, làm sân bê tông, duy tu bảo dưỡng trang bị thiết bị dạy học.

Tích cực tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương huy động mọi nguồn lực, lòng ghép các nguồn vốn các địa phương để thực hiện hoàn thành các đề án, chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Xây dựng kế hoạch tổng thể và từng năm thực hiện “Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với lộ trình áp dụng Chương trình GDPT và các tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học theo quy định mới của Bộ GD&ĐT. Ưu tiên đầu tư phòng học đối với cấp tiểu học (đảm bảo 01 phòng/lớp), phòng học bộ môn đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, xóa bỏ các phòng học tạm, phòng học bị xuống cấp.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường các nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng các trường học đã đạt chuẩn quốc gia nhằm nâng cao tỷ lệ, phát huy hiệu quả trường đạt chuẩn quốc gia.

- Hạn chế: Nguồn lực thu hút đầu tư cho giáo dục chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

d) Tăng cường công tác khảo thí, kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục

- Kết quả đạt được: Việc đổi mới công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của học sinh được triển khai và thực hiện tốt. Đánh giá người học ngay trong quá trình học theo dõi kết quả từng giai đoạn nhằm kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học các cấp học và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học. Ngành đã thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức các kỳ thi không gây quá nhiều áp lực cho giáo viên và học sinh, không lấy kết quả các cuộc thi để đánh giá thi đua. Động viên giáo viên học sinh tự nguyện tham gia các cuộc thi. Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các nhà trường tổ chức cho CB, GV, HS học tập quy chế thi, đặc biệt chú ý tuyên truyền những điểm mới của quy chế thi THPT quốc gia năm 2019, quy chế tuyển sinh THCS, THPT. Tổ chức hội nghị triển khai công tác thi năm 2019 nghiêm túc, bài bản, khoa học. Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 đã được chuẩn bị tốt theo đúng chỉ đạo. Công tác

tuyển sinh vào các lớp đầu cấp, công tác bồi dưỡng và tổ chức thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia được tổ chức nghiêm túc và hiệu quả.

Ngành đã tham gia đầy đủ, đúng quy định các kỳ khảo sát và các kỳ đánh giá học sinh theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ chặt chẽ, đồng thời tích cực tham gia việc kiểm tra văn bằng chứng chỉ phổ thông theo kế hoạch của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Công tác tự đánh giá: tính đến 31/5/2019 có 99,5% các trường mầm non hoàn thành công tác tự đánh giá, 80,17% đã đánh giá ngoài. Đối với các cơ sở GDPT 99,8 % hoàn thành tự đánh giá 75,12% đã đánh giá ngoài.

- Hạn chế: Việc điều động đội ngũ cộng tác viên đánh giá ngoài gặp khó khăn vì công việc ở cơ sở nhiều. Các Trung tâm GDTX thực hiện công tác tự đánh giá gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thu thập hồ sơ minh chứng do nguyên nhân các năm đầu của chu kỳ không lưu trữ, về cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm gặp rất nhiều khó khăn về số lượng biên chế giáo viên và nhân viên, đặc biệt khó khăn về cơ sở vật chất.

e) *Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo*

- Kết quả đạt được: Các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông theo chỉ đạo của ngành. Đến nay 100% các phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc đã cử cán bộ phụ trách về công tác truyền thông. Các đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với Báo, Đài phát thanh truyền hình tỉnh truyền thông về các hoạt động của ngành, các gương người tốt, việc tốt các điển hình tiên tiến để động viên khuyến khích các thầy cô giáo và học sinh trong toàn ngành học tập. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên báo cáo cung cấp thông tin cho báo chí về các hoạt động đổi mới của ngành. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tốt chuyên đề “Tăng cường công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho học sinh trung học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. Tổ chức lễ phát động cuộc thi tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn ngành theo đúng chỉ đạo của Bộ GD&ĐT. Phối hợp tạo điều kiện cho Hội nhà văn Việt Nam đến thực tế tại các xã đặc biệt khó khăn để tuyên truyền “về sự học ngày nay” cho ngành. Phối hợp với Hội khuyến học tỉnh, Đài truyền hình tỉnh tổ chức chương trình “Thắp sáng niềm tin, tiếp sức em tới trường - vì em hiếu học” lần thứ VII. Tổ chức lễ tuyên dương học sinh đạt giải quốc gia cho 33 giáo viên và 57 em học sinh có thành tích xuất sắc. Tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo và Sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với sơ kết 2 năm thực hiện phong trào thi đua đổi mới sáng tạo trong dạy và học. Khen thưởng 68 tập thể, 100 cán bộ giáo viên có thành tích xuất sắc.

- Hạn chế: Công tác phối hợp và xử lý thông tin phản hồi với báo chí của một số đơn vị chưa kịp thời, hiệu quả. Cán bộ làm công tác truyền thông ở một số phòng GDĐT, đơn vị trực thuộc chưa thể hiện rõ vai trò được giao.

2.2.3. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh, sinh viên; đối với giáo viên, giảng viên; đối với cơ sở giáo dục

Năm học 2018-2019 các đơn vị giáo dục trong toàn ngành đã thực hiện chi trả chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh, sinh viên; chính sách đối với giáo viên, giảng viên; chính sách đối với học sinh diện chính sách xã hội, học sinh ở miền núi, vùng kinh tế ĐBKK từ nguồn kinh phí được ngân sách Trung ương, địa phương cấp như: Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường PTDT bán trú, chính sách hỗ trợ gạo (hỗ trợ 1.098.820 tấn gạo), chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở.

- Kinh phí hỗ trợ trẻ mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 quy định về chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non với tổng kinh phí: 18.606 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP: 30.097 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ, tổng kinh phí 1.063 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP: 121.329 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP: 29.041 triệu đồng.

Các chế độ chính sách ưu đãi này đã động viên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em, học sinh đến trường học tập, tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học vì gia đình kinh tế gặp nhiều khó khăn, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục và đào tạo.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

3.1. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách chi thường xuyên; định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh, sinh viên công lập; tỷ lệ chi giảng dạy học tập so với tổng chi sự nghiệp giáo dục

- Xây dựng dự toán thu chi ngân sách toàn ngành theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Tài chính quy định

- Chấp hành đầy đủ, đúng thời gian quy định về chế độ báo cáo dự toán, quyết toán chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi xây dựng cơ bản.

- Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục và quản lý các nguồn thu khác trong trường học theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện thường xuyên, liên tục chế độ tự kiểm tra và công khai tài chính theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính.

- Cấp phát kịp thời các khoản chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên, học sinh như: Chi thực hiện Nghị định 61/2006/NĐ-CP; Nghị định 116/2016/NĐ-CP; Chi tiền ăn trưa cho trẻ 5 tuổi theo QĐ số 239/QĐ-TTg; Phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo NĐ số 54/2011/NĐ-CP chế độ tiền lương, học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

- Kết quả thực hiện chi ngân sách giáo dục và đào tạo năm 2018:

- + Chi quản lý hành chính cấp tỉnh đạt 100%
- + Chi thường xuyên sự nghiệp GD&ĐT: đạt tỷ lệ 100%
- + Chi xây dựng cơ bản đạt tỷ lệ 100%

- Sau khi được UBND tỉnh Quyết định giao kế hoạch ngân sách Sở Giáo dục và Đào tạo lập phương án phân bổ ngân sách, thống nhất với Sở Tài Chính và ra Quyết định giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc.

3.2. Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo

a) Chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên. Năm học 2017-2018, ngành GDĐT tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện chế độ cho học sinh DTTS ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể như sau:

Tổng số gạo đã cấp năm học: 1.098 tấn gạo

Tổng số tiền đã hỗ trợ trong năm học: 30.097 triệu đồng

Trong việc tiếp nhận và phân phối gạo do điều kiện giao thông đi lại rất khó khăn, một số trường nằm cách xa trung tâm huyện mà theo quy định thì Cục dự trữ Nhà nước chỉ vận chuyển và bàn giao gạo đến trung tâm huyện do vậy không có chi phí cho việc vận chuyển gạo tới các trường, điểm trường. Chưa có kinh phí cho việc vận chuyển phân phối và bốc xếp.

Cơ sở vật chất các trường chưa đáp ứng được việc nấu ăn tập trung cho học sinh do vậy gạo được các đơn vị trả cho từng học sinh để học sinh tự tổ chức nấu ăn làm hạn chế hiệu quả các chế độ, chính sách của Nhà nước.

b) Thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 quy định về chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non. trong năm học 2017-2018 ngành giáo dục đã hỗ trợ với kinh phí 18.606 triệu đồng;

Trong một trường Mầm non trẻ trong độ tuổi mẫu giáo (3-5 tuổi) được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa, nhưng trẻ trong độ tuổi nhà trẻ (0-2 tuổi) không được hưởng chính sách.

c) Thực hiện Thông tư số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng cho học sinh DTNT kinh phí thực hiện năm 2018-2019 là 27.465 triệu đồng

Một số định mức được qui định trong Thông tư như: học bổng, chế độ thưởng, trang cấp hiện vật, chi tiền tàu xe, bổ sung sách giáo khoa, chi cho ngày tết nguyên đán, tết dân tộc, chi cho hoạt động tập thể, vui chơi, chi cho mua sắm bổ sung, sửa chữa dụng cụ nhà ăn tập thể... là thấp so với thực tế nên trong quá trình thực hiện các đơn vị gặp nhiều khó khăn.

d) Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về chế độ miễn giảm học phí (cấp bù học phí), hỗ trợ chi phí học tập trong năm học 2017-2018 với kinh phí là 29.041 triệu đồng.

3.3. Về các chương trình, dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ

Trong những năm qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, vùng DTTS, miền núi đã được ban hành như: Chương trình phát triển kinh tế-xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có đầu tư CSVC trường, lớp; Chương trình mục tiêu giáo dục và đào tạo (Dự án Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng DTTS và vùng có nhiều khó khăn; Dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở vùng khó khăn nhất...); Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và xây dựng nhà công vụ giáo viên... Các Chương trình, Dự án đó đã tăng cường CSVC, đảm bảo các điều kiện để thực hiện chất lượng giáo dục ở địa phương, đặc biệt là vùng DTTS. Các chính sách đã góp phần tích cực nâng cao đời sống của học sinh, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng học tập cho học sinh ở vùng DTTS và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Việc bố trí nguồn ngân sách cụ thể, ổn định để thực hiện các chương trình, dự án sẽ giúp giải quyết được những vấn đề bất cập về tài chính hiện nay như: nguồn lực bị phân tán, chồng chéo, không ổn định; tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều phối, giám sát.

Đảm bảo đủ ngân sách cho việc thực hiện các chính sách phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tỉnh Thái Nguyên đã hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo các ngành các cấp triển khai đồng bộ, huy động mọi nguồn lực của địa phương, đảm bảo bố trí đầy đủ vốn đối ứng để việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện tốt công tác báo cáo, thường xuyên cập nhật thông tin phản hồi để kịp thời điều chỉnh, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.4. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công

Tỉnh Thái Nguyên mặc dù còn rất nhiều khó khăn nhưng lãnh đạo các cấp tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực cho Giáo dục đào tạo, trong năm 2018 ngành giáo dục triển khai nhiều dự án lớn với mục tiêu chuẩn hóa cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên đầu tư xây dựng các trường PTDTNT (6 trường) với tổng kinh phí trên 200 tỷ đồng, đầu tư xây dựng trường THPT Chuyên 241,5 tỷ đồng. Việc đầu tư các dự án của ngành được thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công.

II. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2020 (năm học 2020 - 2021)

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Năm 2020, ngành giáo dục tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội tốt nhất; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh Đổi mới công tác quản lý, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; Tiếp tục sắp xếp, xử lý hiệu quả vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Thực hiện các chính sách phát triển giáo dục đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục; Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020, các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được Quốc hội thông qua.

Căn cứ các Quyết định: số 2539/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; số 2540/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về ban hành Đề án xây dựng hệ thống trường học đạt chuẩn Quốc gia tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; số 623/QĐ-UBND tỉnh ngày 17/3/2017 về ban hành Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ các Kế hoạch: số 43/KH-UBND ngày 17/3/2017 về việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập, giáo dục xóa mù chữ giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 2037/KH-SGDĐT ngày 31/12/2016 của Sở GDĐT về việc Ban hành Kế hoạch khắc phục tình trạng quá tải về trường, lớp, học sinh cấp học mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 77/KH-UBND

ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 19/6/2019 kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2025; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông tỉnh Thái Nguyên.

2. Nội dung xây dựng kế hoạch

2.1. Một số mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra.

a) Mạng lưới trường, lớp

Năm 2020-2021, toàn tỉnh có 685 trường mầm non và phổ thông, cụ thể: Mầm non: 239 trường; Tiểu học: 223 trường; THCS: 191 trường; THPT: 32 trường¹².

01 trường đại học (Đại học Việt Bắc); 03 trường cao đẳng; 03 trường trung cấp chuyên nghiệp; 01 Trung tâm GDTX tỉnh; 9 Trung tâm GDNN-GDTX ở 9 huyện, thị, thành; 01 trường giáo dục và hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi; 180 trung tâm học tập cộng đồng ở 180 xã, phường, thị trấn.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức hình thành trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) ở nơi có điều kiện phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý, thu gọn lại các điểm trường lẻ trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương trong tỉnh.

b) Quy mô, số lượng

- Mầm non: Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (dưới 36 tháng tuổi) đi học đạt 30% trở lên. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo (3-5 tuổi) đi học đạt 95% trở lên. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học đạt 100%.

- Tiểu học: Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,5% trở lên. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đi học đạt 99% trở lên

- Trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99% trở lên. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi (11-14 tuổi) đi học đạt 99% trở lên.

¹² Không bao gồm trường THPT trực thuộc Bộ GD&ĐT (Trường Vùng Cao Việt Bắc) và trường trực thuộc Bộ Công an (trường Văn hóa I)

- Trung học phổ thông: Tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 cả hệ GDTHPT và GDTX đạt: 85% trở lên. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi (15-17 tuổi) đi học đạt 85% trở lên.

- Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập đạt 80% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số được học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú đạt 8%.

- Tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi ở 180/180 xã, phường, thị trấn; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 ở 180/180 xã, phường, thị trấn; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 ở 179/180 xã, phường, thị trấn.

c) Về cơ sở vật chất

- Tiếp tục tăng tỷ lệ kiên cố hóa phòng học các cấp từ mầm non đến phổ thông trên toàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện mở rộng, nâng cấp 06 trường Phổ thông dân tộc nội trú.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất 10 trường Phổ thông dân tộc bán trú.

- Tiếp tục thực hiện tốt đề án xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia theo đúng lộ trình và kế hoạch.

- Tiếp tục duy trì 100% các trường học được kết nối internet.

d) Chất lượng giáo dục

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi trong các cơ sở giáo dục mầm non ở mức dưới 8%.

- Có 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày và được học chương trình tiếng Anh mới từ lớp 3.

- Có 98% trở lên học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt trên 90%.

e) Công tác quản lý giáo dục

- 70% các trường mầm non và phổ thông được Sở GDĐT đánh giá và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ cấp độ I trở lên.

- Thanh tra chuyên ngành khoảng 6,5%, thanh tra hành chính khoảng 15% các cơ sở giáo dục.

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục và đào tạo; thường xuyên phối hợp chặt chẽ giữa cấp và ngành từ tỉnh đến cơ sở để chỉ đạo, tổ chức, triển khai chương trình phát triển giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, gắn việc phát triển quy mô trường lớp một cách hợp lý với việc nâng cao chất lượng giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên, trong đó cần chú ý giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc.

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học trong các nhà trường, chống quá tải. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia, giai đoạn 2016-2020 đảm bảo đúng tiến độ đề ra. Triển khai các dự án kiên cố hóa trường lớp đã được Trung ương cấp kinh phí. Tích cực tham mưu và triển khai thực hiện các dự án nâng cấp, mở rộng quy mô các trường PTDTNT, xây mới các trường THPT đã được phê duyệt.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo; thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm, liên kết đào tạo, thu hút đầu tư, tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến về phương pháp dạy học, phương thức tổ chức và quản lý giáo dục đào tạo.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 6 nhóm nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chương trình phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020.

Triển khai thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm và 5 nhóm giải pháp cơ bản của ngành để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Chuẩn bị các điều kiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa, giáo dục phổ thông mới. Chuẩn bị viết chương trình, sách giáo khoa, giáo dục phổ thông mới phần giáo dục địa phương. Khảo sát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và khảo sát, xây dựng kế hoạch bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp nhằm huy động các nguồn lực xã hội đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và chương trình, tài liệu giáo dục địa phương để thực hiện đổi mới Chương trình GDPT phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Triển khai áp dụng Chương trình GDPT theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, rà soát, đánh giá thực trạng quy mô, nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học; xây dựng kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho triển khai Chương trình GDPT.

Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch tổng thể và từng năm thực hiện “Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với lộ trình áp dụng Chương trình GDPT và các tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học theo quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ưu tiên đầu tư phòng học đối với cấp tiểu học (đảm bảo 01 phòng/lớp), phòng học bộ môn đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, xóa bỏ các phòng học tạm, phòng học bị xuống cấp.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; tăng cường các nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng các trường học đã đạt chuẩn quốc gia nhằm nâng cao tỷ lệ, phát huy hiệu quả trường đạt chuẩn quốc gia.

Nâng cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin chuẩn bị cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên qua mạng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đảm bảo ngân sách, kinh phí thực hiện đổi mới Chương trình GDPT.

Chuẩn bị số phòng học và thiết bị dạy học theo mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho các lớp 1 năm học 2020 - 2021.

2.3. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2020

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm học 2019-2020 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành; sở giáo dục và đào tạo chủ trì hướng dẫn xây dựng và tổng hợp dự toán thu, chi NSNN cho giáo dục và đào tạo đối với các đơn vị trực thuộc và các phòng giáo dục trên toàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

a) Xây dựng dự toán thu: Đối với khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Báo cáo thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

b) Đối với dự toán chi: dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niêm ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bố trí nguồn vốn thực hiện kế hoạch Bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2017-2025 dự kiến kinh phí thực hiện của từng cấp học chi tiết theo báo cáo số 455/BC-SGDĐT ngày 29/3/2019 của Sở GDĐT Thái Nguyên về việc Báo cáo Xây dựng kế hoạch bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2017-2025 tổng kinh phí dự kiến thực hiện đáp ứng về CSVC cho các trường mầm non và phổ thông là: 4.200.944 triệu đồng.

Bố trí nguồn vốn cho kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Kế hoạch số 1945/KH-SGDĐT ngày 12/11/2018 của Sở GDĐT Thái Nguyên, tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2019-2023 là: 230.115 triệu đồng.

Xây dựng dự toán ngân sách cho các nội dung, kế hoạch thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, lập dự toán vào dự toán ngân sách hằng năm.

(Có biểu đồ toán thu, chi NSNN kèm theo)

2.4. Lập kế hoạch tài chính- NSNN 3 năm 2020-2022

Thực hiện đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC).

(Có biểu kế hoạch NSNN 3 năm kèm theo)

3. Kiến nghị

a) Đối với UBND tỉnh:

Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn để khởi công các trường THPT trong Chương trình phát triển giáo dục đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Bố trí kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị, xây mới, sửa chữa phòng học bảo đảm lộ trình chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Bổ sung quỹ đất và nguồn vốn để xây dựng, mở rộng quy mô các trường mầm non, tiểu học gần khu công nghiệp để khắc phục tình trạng quá tải.

Hỗ trợ nguồn kinh phí cho ngành Giáo dục thực hiện bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý.

b) Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Bố trí nguồn vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2016-2020 năm 2020 để hoàn thành các dự án đã được phê duyệt.

Đề xuất với chính phủ bố trí nguồn kinh phí chương trình dự án xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị các trường phổ thông dân tộc bán trú.

Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, giáo viên cốt cán cấp tỉnh về các nội dung liên quan tới chương trình, sách giáo khoa mới.

Quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình giáo dục.

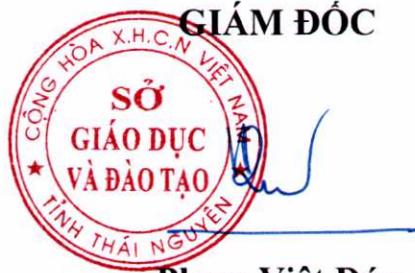
Hỗ trợ ngân sách Trung ương để đầu tư xây dựng trường, lớp gần các khu công nghiệp, khu đông dân cư.

Tham mưu trình Chính phủ bố trí đủ nguồn lực, kinh phí để các địa phương đảm bảo việc thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình.

Quan tâm phát triển kinh tế xã hội cho vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn bằng nhiều chính sách phúc lợi xã hội cho đồng bào dân tộc ít người./

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban giám đốc Sở GD&ĐT;
- Các Phòng, Ban Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, KHTC.



Phạm Việt Đức